

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS - ST
Ngày: 27-02-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hùng Dương.

2/ Ông Trương Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 287/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST – HS ngày 07/01/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST – HS ngày 17/02/2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phan Thị D**, sinh năm 1980. Tại: Đồng Tháp. Nơi ĐKKHKT: xã G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở: Khu phố PN, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn T (đã chết) và bà Dương Thị V (đã chết); Chồng: Lê Thiện H, có 04 con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/11/2018 và tạm giam cho đến nay; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị D: Luật sư Nguyễn Quang H – Công tác tại Công ty Luật TNHH A, đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

2/ Họ và tên: **Tô Văn C**, sinh ngày 10/11/1993. Tại: Sóc Trăng. Nơi ĐKKHKT: Xã ĐH, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: khu phố TP, phường TB, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Tô Văn N và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Huỳnh Thị C, có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/10/2019 và tạm giam cho đến nay; Có mặt.

3/ Họ và tên: **Châu Kim M**, sinh năm 1988. Tại: Kiên Giang. Nơi ĐKKHKT: Xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang; Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Minh Th và bà Châu Kim M1; Chồng: Lê Minh T, có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Bị hại: Bà Châu Kim M, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang; Có mặt.

Nguyên đơn dân sự:

1/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn kinh doanh vàng và cầm đồ K. Địa chỉ: đường TL, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương. *Người đại diện hợp pháp:* Ông Phan Thành N, sinh năm 1980. Địa chỉ: phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Có mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2018).

2/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1967 - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị T2. Địa chỉ: Khu phố TH, phường TH1, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. *Người đại diện hợp pháp:* Ông Trịnh Văn T3, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố TH, phường TH1, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; Có mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lê Thiện H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố PN, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Lê Văn S, bà Trịnh Thị K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị D và Châu Kim M là công nhân cùng làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn điện tử F Việt Nam, địa chỉ tại Khu công nghiệp V2, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương nên quen biết nhau. Quá trình làm việc chung với nhau thì D nói cho M biết là D có nhận bán số đề, nếu M có mua số đề thì D sẽ bán cho M. D bắt đầu bán số đề cho M từ tháng 8/2018 cho đến cuối tháng 9/2018. Trong thời gian mua số đề, M thiếu tiền mua đề của D với số tiền khoảng 157.200.000 đồng nhưng M không có khả năng chi trả cho D. Do nhiều lần tìm M để đòi tiền nợ nhưng không được nên D nảy sinh ý định thuê người tìm gặp M để đòi nợ. Sau đó, thông qua người quen giới thiệu D gặp Nguyễn Văn T4, sinh năm 1984, ngụ tại xã BQ, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai và nói cho T4 biết là M đang thiếu D số tiền 157.200.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng và nhờ T4 đòi dùm số tiền trên với thỏa thuận là sẽ chia 50% số tiền T4 đòi được thì T4 đồng ý.

Sau khi nhận lời giúp D đòi nợ của M thì T4 nói cho Tô Văn C, sinh năm 1993 và 03 người nam (hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch) biết và rủ đi cùng T4 đòi nợ giúp D thì C và 03 người nam (hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch) đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 19/11/2018, Nguyễn Văn T4 thuê anh Lê Văn S, sinh năm 1977, ngụ tại số khu phố BT2, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 61A – 434.xx chở T4, C và 03 người nam (hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch) đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn điện tử F Việt Nam gặp D. Tại đây, D nói cho nhóm của T4 và C biết đặc điểm của M để nhóm T4 và C biết và gặp M đòi tiền. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi Châu Kim M điều khiển xe mô tô Honda Vision biển số 68S1 – 403.xx đi trên đường số x, khu xx, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì bị Phan Thị D và nhóm Tô Văn C nhìn thấy chặn xe lại đe dọa và yêu cầu M phải trả nợ cho D số tiền 157.200.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng nhưng M nói không có nợ D số tiền trên nên không đồng ý trả thì T4 và C dùng tay đánh vào mặt M rồi yêu cầu M cùng D đến quán cà phê (không tên) trên đường Nguyễn Văn L thuộc phường PT, thành phố M, tỉnh Bình Dương do chị Trịnh Thị K, sinh năm 1985 làm chủ để nói chuyện. Tại đây, C và T4 bắt M viết giấy mượn

tiền với nội dung M thiếu D số tiền 157.200.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng. Do lo sợ bị nhóm của T4 và C đánh nên M đồng ý viết giấy nợ số tiền trên của D. Tiếp đó, nhóm của C ép buộc M tháo 01 (một) bộ vòng siment (09 chiếc) bằng vàng 18k và 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k mà M đang đeo trên người để đưa cho D cùng một người nam trong nhóm của C đem đến tiệm vàng K, địa chỉ tại đường TL5, chợ PC, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương cầm cho anh Phạm Thành N, sinh năm 1980 được số tiền 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng. Sau khi cầm vàng của M xong, nhóm của C và D tiếp tục đe dọa, ép buộc M đem xe mô tô Honda Vision biển số 68S1 – 403.xx của M đến tiệm cầm đồ PC tại khu phố TH, phường TH1, thị xã TU, tỉnh Bình Dương cầm cho anh Trịnh Văn T3 được số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. Tổng số tiền cầm vàng và xe của M là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, D đưa cho T4 số tiền 17.500.000 (Mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng còn D giữ lại 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi nhận tiền xong thì nhóm của T4 và C ra xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 61A – 434.xx đi về còn D đi về phòng trọ của D tại khu phố PN, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương và tiêu xài hết số tiền 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi nhận số tiền 17.500.000 (Mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng từ D, T4 trả tiền thuê xe cho anh Lê Văn S số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng, đưa cho Tô Văn C số tiền 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng (số tiền này C đã tiêu xài cá nhân hết) rồi dẫn C và cả nhóm đi ăn uống. Đối với Châu Kim M sau khi bị D và nhóm Tô Văn C chiếm đoạt vàng và xe mô tô, M đã đến Công an phường H, thành phố M trình báo sự việc. Sau đó, Công an phường H báo cáo và phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một yêu cầu Phan Thị D về trụ sở làm việc. Qua làm việc, D đã khai nhận hành vi cùng nhóm Tô Văn C đe dọa, ép buộc để chiếm đoạt vàng và xe mô tô của M nên ngày 20/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Thị D và tạm giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1 – 403.xx; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k trọng lượng 1,385 chỉ, 01 (một) bộ vòng ciment (09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ; 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đỏ có sim số 0329.30xxxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia C2 có sim số 01232.78xxxx.

Ngày 18/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có bản kết luận định giá tài sản số 08-KLTS-TTHS, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1 – 403.xx, trị giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k trọng lượng 1,385 chỉ, trị giá 3.677.175 (ba triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng; 01 (một) bộ vòng ciment (09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ, trị giá 18.080.550 (mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi) đồng. Tổng giá trị tài sản Phan Thị D, Tô Văn C cùng đồng phạm chiếm đoạt của Châu Kim M trị giá là 48.757.725 (bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi lăm) đồng.

Quá trình điều tra, Phan Thị D khai nhận bắt đầu bán số đề cho Châu Kim M và các đối tượng khác sau đó giao lại cho người nam tên X (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) qua điện thoại di động của X có số thuê bao 0964.706.297 để hưởng tiền hoa hồng là 10% trên tổng số tiền mà D bán số đề trong ngày giao cho X. Theo đó, D bắt đầu bán số đề cho M từ đầu tháng 8/2018 cho đến cuối tháng 9/2018 với hình thức mua và bán số đề được tính thắng thua cụ thể như sau: Người mua số đề với 02 con số ghi đầu, đuôi, bao lô trong 18 lô xổ số kiến thiết thì khi trúng số đề D sẽ trả tiền trúng

đề theo tỷ lệ 01 đồng trúng 75 đồng. Nếu người ghi số đề với 03 con số ghi bao lô, xiu chủ trong 17 lô xổ số kiến thiết thì khi trúng số đề D sẽ trả tiền trúng đề theo tỷ lệ 01 đồng trúng 600 đồng. Khi bán số đề cho M thì D chỉ tính tiền có 15 lô chứ không tính 18 lô như trong kết quả xổ số.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ để xác định D bán số đề cho M vào các ngày 14/9/2018, 16/9/2018, 25/9/2018 và 26/9/2018 (còn những ngày trước đó thì D và M đã xóa tin nhắn những nội dung liên quan đến việc mua bán số đề nên không thống kê được), cụ thể như sau:

Ngày 14/9/2018, M nhắn tin cho D để mua số đề theo 03 đài xổ số kiến thiết gồm đài Vĩnh Long, Bình Dương và Trà Vinh với nội dung M bao lô số tiền 100.000 (Một trăm nghìn) đồng số 32 trên 18 lô với số tiền mua số đề mỗi đài là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền M mua số đề của D là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi có kết quả xổ số thì M không trúng nên M thua D số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, số tiền này M đã trả cho D sau đó D giao lại cho X, D được hưởng lợi 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền hoa hồng từ Tuấn.

Ngày 16/9/2018, M nhắn tin cho D để mua số đề theo 03 đài xổ số kiến thiết gồm đài Tiền Giang, Kiên Giang và Đà Lạt với nội dung M bao lô số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng số 38 trên 18 lô với số tiền mua số đề mỗi đài là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Tổng số tiền M mua số đề của D là 9.000.000 (Chín triệu) đồng. Sau khi có kết quả xổ số thì M chỉ trúng một lô đài Đà Lạt với số tiền trúng là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Sau khi trừ tiền M bỏ ra mua số đề thì M còn thắng của D số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng và D đã thanh toán tiền thắng thua cho M. D được hưởng lợi số tiền 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng tiền hoa hồng từ X. Tổng số tiền mà M và D mua bán số đề vào ngày 16/9/2018 là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng, trong đó số tiền của đài Đà Lạt là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

Ngày 25/9/2018, M nhắn tin cho D để mua số đề theo 03 đài xổ số kiến thiết gồm đài Bến Tre, Vũng Tàu và Bạc Liêu với nội dung M bao lô số tiền 100.000 (Một trăm nghìn) đồng số 32 trên 18 lô và mua số đầu 29 với số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng với số tiền mua số đề mỗi đài là 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền M mua số đề của D là 5.100.000 (Năm triệu một trăm nghìn) đồng. Sau khi có kết quả xổ số thì M chỉ trúng một lô đài Bạc Liêu với số tiền trúng là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi trừ tiền M bỏ ra mua số đề thì M còn thắng D được số tiền 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm nghìn) đồng và D đã thanh toán tiền thắng thua cho M. D được hưởng lợi 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền hoa hồng từ X. Tổng số tiền mà M và D mua bán số đề vào ngày 25/9/2018 là 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng, trong đó số tiền của đài Bạc Liêu là 9.200.000 (Chín triệu hai trăm nghìn) đồng.

Ngày 26/9/2018, M nhắn tin cho D để mua số đề theo 03 đài xổ số kiến thiết gồm đài Đồng Nai, Cần Thơ và Sóc Trăng với nội dung M bao lô số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng số 52 trên 18 lô và mua số đầu 29 với số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng với số tiền mua số đề mỗi đài là 2.450.000 (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng số tiền M mua số đề của D là 7.350.000 (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Sau khi có kết quả xổ số thì M không trúng nên thua D số tiền 7.350.000 (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền này M và D chưa thanh toán với nhau nên D chưa được hưởng tiền hoa hồng từ X.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1 – 403.xx; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k trọng lượng 1,385 chỉ; 01 (Một) bộ vòng ciment (09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ, quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của Châu Kim M. Ngày 23/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe mô tô và sổ vàng trên cho Châu Kim M theo Quyết định xử lý vật chứng số 75 ngày 20/01/2019.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ có sim số 0329.30xxxx của Phan Thị D; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia C2 có sim số 01232.78xxxx của Châu Kim M, quá trình điều tra xác định: Các điện thoại trên do Phan Thị D và Châu Kim M sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Đối với Phạm Thành N và Trịnh Văn T3, quá trình điều tra xác định: Khi D, M và đối tượng nam (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) đem sổ vàng và xe mô tô của Châu Kim M đến cầm thì anh Phạm Thành N và anh Trịnh Văn T3 không biết các tài sản trên do Phan Thị D cùng đồng bọn phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý. Đối với người nam tên X (không rõ nhân thân, lai lịch) đã sử dụng số thuê bao 0964.706.xxx nhận thầu số đề từ Phan Thị D. Ngày 27/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã làm Công văn gửi Công ty viễn thông Viettel đề nghị cung cấp thông tin chủ số thuê bao 0964.706.xxx và ngày 24/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Lệnh thu giữ điện tín số thuê bao 0964.706.xxx nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Lê Văn S, quá trình điều tra xác định: Khi Tô Văn C thuê anh S điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 61A – 434.xx chở C và 04 người nam (Hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch) đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn điện tử F Việt Nam gặp M đòi nợ cho D thì anh S không biết C và D cùng đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Văn T4 cùng Tô Văn C thực hiện hành vi đe dọa và ép buộc Châu Kim M cầm vàng và xe mô tô lấy tiền trả nợ cho Phan Thị D, quá trình điều tra ngày 12/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định khởi tố và ra Lệnh bắt tạm giam Nguyễn Văn T4 về tội cưỡng đoạt tài sản, tuy nhiên T4 đã bỏ trốn nên không thi hành được việc bắt giam T4. Ngày 25/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra và ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn T4, khi nào bắt được T4 xử lý sau. Đối với người 03 người nam cùng với Phan Thị D, Tô Văn C và Nguyễn Văn T4 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Châu Kim M do không xác định rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Cáo trạng số 16/CT-VKS-HS ngày 23/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Phan Thị D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Truy tố bị cáo Tô Văn C về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự

2015, sửa đổi bổ sung 2017. Truy tố bị cáo Châu Kim M về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Phan Thị D mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo Phan Thị D.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Tô Văn C mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Châu Kim M mức hình phạt từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Phan Thị D bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn kinh doanh vàng và cầm đồ K số tiền 16.000.000 đồng; bồi thường cho ông Trịnh Văn T3 số tiền 14.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Itel màu đỏ có sim số 0329 307 xxx; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia C2 có sim số 01232 789 xxx.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị D trình bày: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Về hành vi cưỡng đoạt tài sản, xét bản chất là do Châu Kim M nợ tiền đánh bạc của Phan Thị D và có yêu cầu D cho gặp thầu đề. Từ việc đó nên Phan Thị D mới nảy sinh ý định thuê Nguyễn Văn T4 giả là thầu đề để M trả tiền. Sau khi T4 đến gặp M và thực hiện việc đe dọa ép buộc M lấy tài sản là ngoài dự định của D. Vì thế vai trò D trong hành vi này chỉ là thứ yếu. Đối với hành vi đánh bạc, tuy D ghi đề trong nhiều ngày nhưng số tiền đánh bạc từng lần đều có giá trị không lớn. Ngoài ra, gia đình bị cáo D có bà nội, cha, mẹ, chú đều tham gia cách mạng được huân, huy chương; bị cáo đã tác động chồng nộp tiền khắc phục hậu quả, gia đình khó khăn và đã thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một qua phần tranh luận, giữ nguyên quan điểm truy tố và nội dung luận tội.

Tại phiên tòa, các Phan Thị D, Tô Văn C, Châu Kim M cùng các nguyên đơn dân sự đều không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 14, 16, 25, 26/9/2018, Phan Thị D và Châu Kim M có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số đề, với số tiền dùng đánh bạc lần lượt là 4.500.000 đồng, 24.000.000 đồng, 12.600.000 đồng, 7.350.000 đồng. Ngoài ra, do có mâu thuẫn trong việc nợ tiền đánh bạc, Phan Thị D đã thuê Nguyễn Văn T4, Tô Văn C cùng một số đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) có hành vi đe dọa dùng vũ lực nhằm buộc Châu Kim M viết giấy nhận nợ đồng thời chiếm đoạt của Châu Kim M 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1 – 403.xx (trị giá 27.000.000 đồng); 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,385 chỉ (trị giá 3.677.175 đồng); 01 (một) bộ vòng xi men (gồm 09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ (trị giá 18.080.550 đồng) nhằm cầm trả vào số tiền ghi đề của Châu Kim M. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 48.757.725đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng). Do đó, hành vi mà bị cáo Phan Thị D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tô Văn C phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của Châu Kim M đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với Nguyễn Văn T4 hiện đã bỏ trốn, ngày 25/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, vụ lợi cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong vụ án này, Phan Thị D đóng vai trò chính, xuất phát từ việc nợ tiền của Châu Kim M thông qua việc đánh bạc trái phép mà D đã thuê T4, C thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Vì thế mức hình phạt của Phan Thị D phải cao hơn các bị cáo còn lại.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phan Thị D, Châu Kim M thực hiện hành vi đánh bạc trong nhiều ngày, số tiền đánh bạc mỗi lần đều trên

5.000.000 đồng nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo D có bà, cha, mẹ, chú tham gia cách mạng được tặng Huân, Huy chương kháng chiến. Ông Lê Thiện H (chồng bị cáo Phan Thị D) đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) khắc phục hậu quả thay cho bị cáo đồng thời tại phiên tòa, Châu Kim M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Xét ý kiến trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thị D chỉ có căn cứ chấp nhận một phần về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn kinh doanh vàng và cầm đồ K yêu cầu Phan Thị D bồi thường số tiền 16.000.000đồng; ông Trịnh Văn T3 yêu cầu Phan Thị D bồi thường số tiền 14.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu ITEL màu đỏ có sim số 0329 307xxxx; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia C2 có sim số 01232 789 xxx là phương tiện thực hiện hành vi đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (do ông Lê Thiện H nộp thay Nguyễn Thị D) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003975 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đảm bảo thi hành án. Buộc Phan Thị D nộp 18.600.000đ (mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng), Châu Kim M nộp 29.450.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền dùng đánh bạc; Tô Văn C nộp 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phan Thị D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc”. Bị cáo Tô Văn C phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Bị cáo Châu Kim M phạm tội “Đánh bạc”.

2/ Về hình phạt:

2.1/ Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Thị D 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Thị D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/11/2018.

2.2/ Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Tô Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/10/2019.

2.3/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Châu Kim M 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự 2015. Buộc Phan Thị D bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn kinh doanh vàng và cầm đồ K số tiền 16.000.000đồng; bồi thường cho ông Trịnh Văn T3 số tiền 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu IteI màu đỏ có sim số 0329 307xxxx; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia C2 có sim số 01232 789xxxx. (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (do ông Lê Thiện H nộp thay Nguyễn Thị D) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003975 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đảm bảo thi hành án.

- Buộc Phan Thị D nộp 18.600.000đ (mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng), Châu Kim M nộp 29.450.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), Tô Văn C nộp 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 161/19 ngày 08/8/2019 giữa Công an thành phố Thủ Dầu Một - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một).

5/ Về án phí: Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc Phan Thị D nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo